ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 222/2004/QĐ-UB	*TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Về chế độ chi hành chính sự nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2004/NQ-HĐND ngày 15/01/2004 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về chế độ chi hành chính sự nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chế độ chi hành chính sự nghiệp như sau:

1. Chế độ chi của ngành thể dục thể thao:

Định mức chi cho ngành thể dục thể thao như sau:

- Thực hiện định mức chi tiêu thể dục thể thao theo Phụ lục 1 đính kèm.

- Thực hiện chế độ chi tập huấn và thi đấu của đội bóng đá:

+ Lương và trợ cấp thi đấu của vận động viên ngoài thành phố hợp đồng theo chất lượng chuyên môn, nhưng không quá 3.000.000đ/tháng; vận động viên trong thành phố là 2.500.000đ/tháng; vận động viên dự bị 1 là 2.000.000 đ/tháng; vận động viên dự bị 2 là 1.000.000 đ/tháng.

+ Lương cho phiên dịch tiếng Anh: 2.000.000 đ/tháng.

+ Chế độ ăn tập huấn và thi đấu (Huấn luyện viên, vận động viên, phiên dịch) là 50.000 đ/người/ngày.

+ Chi trợ cấp thi đấu trước khi vào giải: 500.000 đ/vận động viên.

+ Khen thưởng trận thắng 30.000.000 đ; trận hòa 15.000.000 đ; khen thưởng đối với cầu thủ nước ngoài trận thắng 100USD/vận động viên, trận hoà 50USD/vận động viên. Thưởng cho huấn luyện viên trận thắng, mức cụ thể do Sở Thể dục và Thể thao phối hợp với Sở Tài chính và Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng thành phố đề xuất trình UBND thành phố xem xét quyết định.

- Tiền thưởng lên hạng: 600.000.000 đồng.

- Tiền thưởng trụ hạng nhất: 300.000.000 đồng.

2. Chế độ công tác phí:

Khi cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác phải thuê phòng nghỉ riêng được thanh toán tiền phòng nghỉ theo hóa đơn thu tiền thực tế của loại phòng trung bình trở xuống nhưng tối đa là 200.000 đồng/phòng/ngày.

3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn:

áp dụng theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

4. Chế độ thu chi của ngành giáo dục đào tạo:

- Mức thu học phí đối với học sinh bán trú trường bán công Mầm Non: Nhà trẻ: 80.000 đ/học sinh/tháng; Mẫu giáo: 70.000 đ/học sinh/tháng.

- Mức thu học phí đối với trường Trung học Phổ thông hệ bán công và chế độ chi của ngành giáo dục đào tạo thực hiện theo Phụ lục 2 đính kèm.

5. Chế độ thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật và hỗ trợ đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ:

Thực hiện chính sách thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật và hỗ trợ đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo Phụ lục 3 đính kèm.

6. Mức trợ giá cây giống của ngành nông nghiệp:

Mức trợ giá cho nông dân mua cây giống để cải tạo và phát triển vườn cây ăn trái là 60%.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính căn cứ chế độ ban hành phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Bãi bỏ quy định về mức thu học phí trường THPT hệ bán công và chế độ chi của ngành GD-ĐT từ năm học 2003-2004 tại Quyết định số 56/2003/QĐ-UB ngày 19/8/2003 của UBND tỉnh Cần Thơ.

Bãi bỏ quy định về ban hành chính sách thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật và hỗ trợ đào tạo trên địa bàn tỉnh Cần Thơ tại Quyết định số 39/2002/QĐ-UB ngày 06/3/2002 của UBND tỉnh Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo, Giám đốc Sở Thể dục Thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CHỦ TỊCH

Võ Thanh Tòng

PHỤ LỤC 1

(Ban hành theo Quyết định số: 222/2004/QĐ-UB ngày 20/02/2004

của ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chế độ chi tiêu Thể dục Thể thao

I. Chế độ chi dinh dưỡng đối với vận động viên năng khiếu:

Chế độ chi dinh dưỡng bao gồm tiền ăn, tiền thuốc hàng ngày được áp dụng trong những ngày tập trung tập luyện:

- Vận động viên năng khiếu tập trung (02 buổi): 16.000đ/ngày
- Vận động viên năng khiếu bán tập trung (01 buổi): 8.000đ/ngày.

II. Chế độ trang phục: Sử dụng hàng hoá sản xuất tại Việt Nam:

a- Trang phục đối với huấn luyện viên:

- Quần, áo thể thao (dài): 01bộ/người/năm
- Quần, áo thể thao (ngắn): 01bộ/người/năm
- Giày ba ta: 02đôi/người/năm

b- Trang phục cán bộ nghiệp vụ thể thao:

- Quần, áo thể thao (dài): 01bộ/người/năm
- Quần, áo thể thao (ngắn): 01bộ/người/năm
- Giày ba ta: 01đôi/người/năm

c- Trang phục đối với vận động viên:

Chế độ trang phục

Đối tượng	Năng khiếu tập trung	Năng khiếu bán tập trung	Năng khiếu rọng điểm
1. Võ thuật			
- Võ phục	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm	1bộ/người/năm
- Giày bata	1đôi/người/năm	1đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Quần, áo ngắn	1bộ/người/năm	1bộ/người/năm	
2. Bóng đá			
- Giày bata	3đôi/người/năm	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Giày da nội bình thường	3đôi/người/năm	2đôi/người/năm	
- Quần, áo tập luyện	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm	1bộ/người/năm
- Găng tay thủ môn	2bộ/người/năm		
- Bịt ống chân	1đôi/người/năm		
- Bóng (tối đa)	30 quả/đội/năm	20quả/đội/năm	15quả/đội/năm
3. Điền kinh			
- Quần, áo tập luyện	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm	
- Giày bata	3đôi/người/năm	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Giày tập chuyên môn	1đôi/người/năm		

4. Quần vợt			
- Quần, áo tập luyện	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm	1bộ/người/năm
- Giày bata	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Giày thi đấu	1đôi/người/năm		
- Bóng tập (tối đa)	12lon/người/năm	6lon/người/năm	
- Dây đan vợt (tối đa)	12bộ/người/năm		
5. Bơi lội			
- Quần tập luyện	1bộ/người/năm		
- Quần bơi	2cái/người/năm	2cái/người/năm	1 cái/người/năm
- Kính bơi	2cái/người/năm	1cái/người/năm	1cái/người/năm
- Khăn	2cái/người/năm	1cái/người/năm	
6. Xe đạp			
- Quần, áo tập luyện	3bộ/người/năm	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm
- Giày bata	2đôi/người/năm	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Giày tập chuyên môn	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm	
7. Cờ vua			
- Quần, áo ngắn	2bộ/người/năm	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm
- Giày bata	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm	
8. Bóng rổ			
- Quần, áo ngắn	2bộ/người/năm	2bộ/người/năm	
- Giày tập chuyên môn	2đôi/người/năm	2đôi/người/năm	1đôi/người/năm
- Giày bata	2đôi/người/năm	2đôi/người/năm	
- Bóng (tối đa)	18quả/đội/năm	12quả/đội/năm	8quả/đội/năm

*** <u>Thời gian tập trung tập huấn – thi đấu giải khu vực và quốc gia</u>:**

- Thời gian tập huấn của đội bóng đá tối đa: 45 ngày/giải
- Thời gian tập huấn của các môn còn lại tối đa: 30 ngày/giải

III. <u>Định mức chi – chi phí tổ chức các giải thể thao</u>:

* **<u>Môn Bóng đá</u>:**

1. Giải cấp toàn quốc:

- Lưới Việt Nam sản xuất 2bộ/giải
- Sơn Việt Nam sản xuất: 40kg/bộ
- Công chuẩn bị sân bãi: 45.000đ khoán
- Bồi dưỡng BTC địa phương: 50.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng nhặt bóng: 10.000đ/người/buổi

- Bồi dưỡng trọng tài giám sát, thư ký, BTC giải do Liên đoàn quy định.

2. Giải cấp thành phố:

- Lưới Việt Nam sản xuất 2bộ/giải
- Bóng Việt Nam sản xuất: 2quả/giải
- Vôi rắc sân: 60 kg/buổi
- Công chuẩn bị sân bãi: 45.000đ khoán
- Bồi dưỡng Trọng tài chính: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài biên: 25.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Thư ký, trọng tài bàn: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng BTC + giám sát: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng nhặt bóng: 10.000đ/người/buổi

3. Giải cấp quận, huyện:

- Lưới Việt Nam sản xuất 2bộ/giải
- Bóng Việt Nam sản xuất: 2quả/toàn giải
- Vôi rắc sân: 50 kg/buổi
- Công chuẩn bị sân bãi: 30.000đ khoán
- Bồi dưỡng Trọng tài chính: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài biên: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Thư ký, trọng tài bàn: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng BTC + giám sát: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng nhặt bóng: 7.000đ/người/buổi

4. Giải cấp phường, xã:

- Lưới Việt Nam sản xuất 01bộ/giải
- Bóng Việt Nam sản xuất: 2quả/toàn giải
- Vôi rắc sân: 40 kg/buổi
- Công chuẩn bị sân bãi: 15.000đ khoán
- Bồi dưỡng Trọng tài chính: 12.000đ/người/trận
- Bồi dưỡng Trọng tài biên: 8.000đ/người/trận
- Bồi dưỡng Thư ký, trọng tài bàn: 5.000đ/người/trận
- Bồi dưỡng BTC + giám sát: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 5.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 5.000đ/người/ngày

*** <u>Các môn thi đấu ngoài trời: Việt dã, xe đạp, Điền kinh, bới lội, quần vợt</u>:**

1. <u>Giải Việt dã, xe đạp</u>:

a. Giải cấp toàn quốc:

- Sơn Việt Nam sản xuất: 10 kg/giải
- Xe mô tô: 50.000đ/người/ngày
- BTC địa phương: 35.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài : 35.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 20.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 100.000đ (khoán)

b. Giải cấp thành phố:

- Sơn Việt Nam sản xuất: 10 kg/giải
- Xe mô tô: 50.000đ/người/ngày
- BTC địa phương: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài : 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 15.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 100.000đ (khoán)

c. Giải cấp quận, huyện:

- Sơn Việt Nam sản xuất: 8 kg/giải
- Xe mô tô: 50.000đ/người/ngày
- BTC địa phương: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài : 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 10.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 80.000đ (khoán)

d. Giải cấp phường, xã:

- BTC địa phương: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng Trọng tài : 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 7.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 7.000đ/người/ngày

2. <u>Quần vợt, bơi lội, điền kinh</u>:

a. Giải cấp toàn quốc:

- Lưới: 1 bộ/sân

- Bóng: 6 quả/trận
- Sơn: 10kg/sân
- Vôi (ĐK): 100 kg/giải
- Dây, phao phơi,ghe: PS thực tế
- BTC địa phương: 35.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 15.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 100.000đ (khoán)

b. Giải cấp thành phố:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng: 3 quả/trận
- Sơn: 10kg/sân
- BTC địa phương: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 25.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 15.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 100.000đ (khoán)

c. Giải cấp quận, huyện:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng: 3 quả/trận
- Sơn: 10kg/sân
- BTC địa phương: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 10.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị: 80.000đ (khoán)

d. Giải cấp phường, xã:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng: 3 quả/trận
- BTC địa phương: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 7.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng công an bảo vệ: 7.000đ/người/ngày

3. <u>Bóng chuyền – bóng rổ</u>:

a. Giải cấp toàn quốc:

- Lưới: 2 bộ/sân
- Bóng ngoại: 6 quả/trận
- Sơn bóng chuyền: 5kg
- Sơn bóng rổ: 20 kg
- BTC địa phương: 35.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: theo điều lệ
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng lực lượng nhắt bóng: 10.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân, khai mạc, bế mạc: 100.000đ (khoán)

b. Giải cấp thành phố:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng ngoại: 4 quả/trận
- Sơn bóng chuyền: 5kg
- Sơn bóng rổ: 10 kg
- BTC địa phương: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 25.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng công an bảo vệ: 10.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân, khai mạc, bế mạc: 100.000đ (khoán)

c. Giải cấp quận, huyện:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng ngoại: 3 quả/trận
- Sơn bóng chuyền: 5kg
- Sơn bóng rổ: 10 kg
- BTC địa phương: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng công an bảo vệ: 7.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân, khai mạc, bế mạc: 80.000đ (khoán)

d. Giải cấp phường, xã:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng ngoại: 2 quả/trận
- Sơn + công: 80.000đ/sân
- BTC địa phương: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 10.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 7.000đ/người/ngày

- Bồi dưỡng công an bảo vệ: 5.000đ/người/ngày

*** <u>Các môn thi đấu trong nhà: bóng bàn, Cờ vua, Cờ tướng, Cầu lông, Cầu đá, Võ thuật</u>:**

a. Giải cấp toàn quốc:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng bàn: 4 quả/bàn/ngày
- Cầu lông: 2 lố/trận/sân
- Cầu đá: 5 quả/ngày/sân
- BTC địa phương: 30.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 20.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân bãi + sân: 100.000đ/sân

b. Giải cấp thành phố:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng bàn: 3 quả/bàn/ngày
- Cầu lông: 2 lố/trận/sân
- Cầu đá: 5 quả/ngày/sân
- BTC địa phương: 25.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 20.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 15.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân bãi + sân: 100.000đ/sân

c. Giải cấp quận, huyện:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng bàn: 3 quả/bàn/ngày
- Cầu lông: 1 lố/trận/sân
- Cầu đá: 4 quả/ngày/sân
- BTC địa phương: 15.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 12.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 10.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân bãi + sân: 80.000đ/sân

d. Giải cấp phường, xã:

- Lưới: 1 bộ/sân
- Bóng bàn: 2 quả/bàn/ngày
- Cầu lông: 1 lố/trận/sân
- Cầu đá: 3 quả/ngày/sân
- BTC địa phương: 12.000đ/người/ngày
- Bồi dưỡng trọng tài: 10.000đ/người/ngày

- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 7.000đ/người/ngày
- Công chuẩn bị sân bãi + sân: 50.000đ/sân

PHỤ LỤC 2

(Ban hành theo Quyết định số: 222/2004/QĐ-UB ngày 20/02/2004
của ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A/- Mức thu học phí Trường THPT hệ bán công:

- Lớp 10,11: quận thu: 80.000đ/hs/tháng; huyện thu: 75.000đ/hs/tháng.
- Lớp 12: quận thu: 90.000đ/hs/tháng; huyện thu: 85.000đ/hs/tháng.

B/- Chế độ chi của ngành Giáo dục Đào tạo:

1/- Về phụ cấp giáo viên tiểu học dạy 2 buổi/ngày: mỗi buổi dạy thêm trong ngày là 10.000 đồng/giáo viên/buổi.

2/- Chế độ hợp đồng giáo viên: đối với trường hợp chưa đủ chuẩn sư phạm để giảng dạy một số bộ môn: nhạc, họa, kỹ thuật, hoặc giáo viên mầm non, tiểu học ở các trường vùng nông thôn, mức chi cụ thể như sau:

+ Đối với giáo viên Trung học cơ sở: Đối với giáo viên chưa đủ chuẩn sư phạm giảng dạy mà trường hợp đồng dạy nhạc, họa bậc trung học cơ sở, với mức chi: 9.500đ/tiết.

+ Đối với giáo viên phổ thông Trung học: Các bộ môn không có nguồn tuyển giáo viên như bộ môn kỹ thuật, phải hợp đồng giáo viên có trình độ Đại học Nông nghiệp hoặc Đại học Tổng hợp chưa qua sư phạm, với mức chi 10.500đ/tiết.

+ Đối với giáo viên tiểu học: Các trường vùng nông thôn có điều kiện kinh tế khó khăn còn thiếu giáo viên cần phải hợp đồng thì mức lương hợp đồng là 600.000đ/GV/tháng.

+ Đối với giáo viên mầm non: Giáo viên mầm non thuộc vùng nông thôn, điều kiện kinh tế khó khăn còn thiếu vì không có nguồn tuyển dụng phải hợp đồng với giáo viên chưa đủ chuẩn sư phạm giảng dạy thì mức lương hợp đồng là 540.000đ/GV/ tháng.

3/- Chế độ chi cho công tác chống mù chữ - phổ cập tiểu học:

Căn cứ Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương; điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 210.000 đồng/tháng lên 290.000đồng/tháng, mức chi như sau:

- Phổ cập tiểu học: 155.000đ/HS/lớp
- Xoá mù chữ: 190.000đ/3 mức
- Sau xóa mù chữ: 140.000đ/2mức

4/- Chế độ chi cho các hội thi, hội thao dự thi cấp thành phố, khu vực ĐBSCL, toàn quốc:

- Đối với học sinh tham gia:

* Cấp thành phố đi thi đấu khu vực và toàn quốc:

+ Tập huấn:

- Tiền ăn: 20.000đ/ngày/VĐV

- Tiền trọ: bố trí nơi ở trong các trường có nội trú. Trường hợp không bố trí được thanh toán tối đa không quá 25.000đ/ngày/VĐV.

+ Thi đấu:

- Tiền ăn : 30.000đ/ngày/VĐV

- Tiền trọ: sẽ thanh toán theo hợp đồng thực tế

* Cấp quận, huyện:

+ Tập huấn:

- Tiền ăn: 10.000đ/ngày/VĐV

+ Thi đấu:

- Tiền ăn: 20.000đ/người/ngày.

- Tiền trọ: thanh toán theo hoá đơn thực tế nhưng không quá 25.000đ/ngày/VĐV.

- Đối với cán bộ, giáo viên tham gia:

* Cấp thành phố:

- Ban Tổ chức, cán bộ phục vụ 15.000đ/người/ngày

- Ban Giám khảo, trọng tài: 25.000đ/người/ngày

Riêng trọng tài bóng đá: 20.000đ/người/trận

* Cấp quận, huyện: mức chi bằng 80% mức chi của cấp thành phố.

Về thời gian tập huấn, tùy tính chất của mỗi giải, giao Giám đốc Sở Thể dục - Thể thao và Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp tổ chức thực hiện.

5/- Các chế độ chi khác:

1/- Học sinh trường phổ thông Dân tộc Nội trú được hưởng học bổng là 200.000đ/hs/tháng, trong đó thành phố hỗ trợ thêm 40.000đ/hs/tháng.

2/- Nâng mức hỗ trợ tiền ăn học sinh Trường dạy trẻ khuyết tật từ 120.000 đồng/học sinh/tháng lên 150.000 đồng/học sinh/tháng.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành theo Quyết định số: 222/2004/QĐ-UB ngày 20/02/2004

của ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A- Chính sách hỗ trợ :

1. Đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về công tác tại các vùng sâu, vùng xa được hưởng chính sách theo Nghị định 35/2001/NĐ-CP ngày 09/07/2001 của Chính phủ (mức phụ cấp bằng 70% lương theo ngạch, bậc hiện hưởng và phụ cấp chức vụ...).

Thực hiện tại các xã, thị trấn vùng sâu, vùng xa thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

- Huyện Vĩnh Thạnh: 1 thị trấn, 4 xã
  + Thị trấn Thạnh An
  + Xã Thạnh Lộc
  + Xã Trung Hưng
  + Xã Thạnh Phú
  + Xã Thạnh Thắng
- Huyện Cờ Đỏ: 1 thị trấn, 6 xã
  + Thị trấn Cờ Đỏ
  + Xã Thới Đông
  + Xã Trường Thành

+ Xã Trường Xuân

+ Xã Đông Thuận

+ Xã Đông Bình

+ Xã Đông Hiệp.

- Huyện Phong Điền: 1 xã

+ Xã Trường Long

2. Phụ cấp giáo viên hướng dẫn tập sự:

Giáo viên hướng dẫn tập sự (có quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan phân công) được hưởng phụ cấp hệ số 0,3 mức lương tối thiểu trong thời gian hướng dẫn tập sự.

3. Thưởng cán bộ, công chức hoàn thành chương trình học thạc sĩ, tiến sĩ (từ khi học cho đến khi có bằng):

- Thạc sĩ trong tỉnh: 20.000.000 đ

- Thạc sĩ ngoài tỉnh: 30.000.000 đ

- Tiến sĩ: 40.000.000 đ

Đối với cán bộ, công chức ngành Y đi học chuyên khoa I, chuyên khoa II (hoàn thành chương trình và có bằng):

- Chuyên khoa I: 25.000.000 đ

- Chuyên khoa II: 30.000.000 đ

Phần kinh phí thưởng trên không bao gồm các khoản chế độ theo quy định.

4. Hỗ trợ cán bộ được cử đi học các lớp đào tạo:

4-1. Học ở các tỉnh đồng bằng Sông Cửu long:

- Đối với nam: 150.000 đ/người/tháng

- Đối với nữ: 200.000 đ/người/tháng

4-2. Học ở các tỉnh từ thành phố Hồ Chí Minh trở ra miền Bắc:

- Đối với nam: 400.000 đ/người/tháng

- Đối với nữ: 500.000 đ/người/tháng

5. Đối với học sinh, sinh viên hộ khẩu thành phố Cần Thơ đi học ngoài thành phố:

Hàng năm dành một phần kinh phí đào tạo để tổ chức họp mặt, lãnh đạo thành phố thăm hỏi động viên.

6. Giáo viên, cán bộ, công nhân viên kiêm nhiệm công tác kế toán được phụ cấp: 150.000 đ/người/tháng.

7. Giáo viên, cán bộ, công nhân viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ được phụ cấp: 100.000 đ/người/tháng.

8. Chế độ hỗ trợ cho cán bộ cấp xã đi học :

Cán bộ xã, phường, thị trấn được cử đi học các lớp chính trị, hành chính được trợ cấp 300.000 đ/người/tháng

B. Chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ:

1. Cơ chế thực hiện đề tài khoa học:

Để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, thu hút các cán bộ khoa học công nghệ hợp tác nghiên cứu triển khai các đề tài phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của thành phố, áp dụng hình thức khoán kinh phí thực hiện các đề tài, dự án. Cơ sở để khoán là hợp đồng nghiên cứu khoa học với Sở Khoa học Công nghệ dựa vào định mức qui định tại Thông tư liên ngành của Bộ Khoa học Công nghệ - Tài chính hướng dẫn, các văn bản liên quan và giá thực tế thời điểm hợp đồng (không khoán phần vật tư phục vụ đề tài) sự thống nhất của Sở Tài chính với đơn vị quản lý đề tài.

Phương thức thực hiện: đặt hàng, đấu thầu, xét tuyển. Thanh lý hợp đồng khoán kinh phí thực hiện đề tài trên cơ sở kết quả nghiệm thu của Hội đồng Khoa học Công nghệ.

2. Chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ về phục vụ vùng nông thôn:

- Đối với người tốt nghiệp Đại học (người địa phương hoặc người ở nơi khác đến) tự nguyện về công tác phục vụ ở nông thôn theo yêu cầu của tổ chức được hưởng các chế độ ưu đãi:

+ Chính quyền địa phương ưu tiên tiếp nhận tạo điều kiện nơi ăn, ở, bố trí công tác phù hợp với ngành nghề chuyên môn được đào tạo.

+ Được hưởng 100% lương khởi điểm (không qua lương tập sự).

+ Được trợ cấp ban đầu:

* Tốt nghiệp loại giỏi: 5.000.000 đ

* Tốt nghiệp loại khá: 3.000.000 đ

* Tốt nghiệp loại trung bình: 2.000.000 đ

+ Đối với cán bộ khoa học công nghệ có trình độ trên đại học tự nguyện về phục vụ vùng nông thôn, ngoài các chế độ được hưởng theo qui định chung, còn được hưởng phụ cấp ưu đãi 30% mức lương ngạch, bậc hiện hưởng.

- Điều kiện áp dụng: các đối tượng trên phải cam kết phục vụ ở nông thôn ít nhất 5 năm.

3. **Chính sách khen thưởng các đề tài sáng kiến khoa học:**

3-1. Các đề tài khoa học:

- Đối với các đề tài khoa học được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại xuất sắc được thưởng 1.000.000 đ.

- Đối với đề tài qua thời gian ứng dụng mang lại hiệu quả làm lợi cho tỉnh về giá trị kinh tế cho thành phố thì được thưởng như sau:

+ Giá trị sinh lợi từ 200.000.000 đ đến 500.000.000 đ được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố kèm số tiền từ 4 đến 6% giá trị sinh lợi (nhưng tối đa không quá 20.000.000 đ).

+ Giá trị sinh lợi trên 500.000.000 đ trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố kèm số tiền thưởng từ 2 đến 4% giá trị sinh lợi (nhưng không quá 30.000.000 đ).

3-2. Sáng kiến:

Mức thù lao cho tác giả sáng kiến áp dụng theo Điều 40, 41 của Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật-hợp lý hóa sản xuất và sáng chế được Hội đồng Khoa học cấp tỉnh đánh giá và đề nghị khen thưởng.

3-3. Giải thưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực khoa học công nghệ được thưởng 3.000.000đ.

3-4. Kinh phí khen thưởng:

Tiền thưởng đối với các đề tài triển khai ứng dụng các sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế được trích từ số tiền làm lợi thu được của mỗi đề tài sáng kiến.

4. **Chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ có trình độ đại học, trên đại học:**

Đối với cán bộ khoa học công nghệ ở tỉnh khác đến làm việc tại thành phố Cần Thơ cam kết phục vụ từ 5 năm trở lên và có điều kiện phù hợp với các yêu cầu của thành phố thì được hỗ trợ ban đầu như sau:

- Thạc sĩ: 30.000.000 đ

- Tiến sĩ: 40.000.000 đ

- Bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp I: 25.000.000 đ

- Bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp II: 30.000.000 đ